TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **41**/2019/DS-ST
Ngày 31 tháng 10 năm 2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận

2. Ông Trần Lâm

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 248/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: 57 đường A, quận B, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Cao Văn Th, sinh năm 1952 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1954; cùng địa chỉ: K272/7B C, tổ 24 phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo ủy quyền của ông Th và bà L là ông Lê Bá S và bà Cao Thị Lệ M, cùng trú tại: P603 Chung Cư L, xã M, huyện N, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1961, trú tại: 57 đường A, quận B, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Ông Lê Thanh N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án và tại phiên tòa:

Tôi là người làm dịch vụ cho vay để đáo hạn Ngân hàng, thông qua giới thiệu của bà Trần Thị Cẩm T nên vào ngày 13/4/2017 tôi có cho vợ chồng ông Cao Văn Th và bà Huỳnh Thị L mượn số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng),* ông Th có ký vào giấy mượn tiền do con trai của ông Th, bà L viết *(con trai của ông Th, bà L hiện nay đã mất).*

Mục đích vợ chồng ông Th mượn tiền của tôi là để trả tiền cho Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng. Thời gian mượn tiền là 10 ngày từ ngày 13/4/2017 đến ngày 23/4/2017. Sau đó vợ chồng ông Th có trả cho tôi được 232.000.000 đồng, còn lại 168.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th và bà L phải trả cho tôi số tiền còn nợ là 168.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu tiền lãi.

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày tại Công an quận Thanh Khê ngày 11/6/2018:

Ông T là con của bà Trần Thị Cẩm T. Thông qua bà T, ông T biết ông Cao Văn Th và ông Th có mượn của ông T 400.000.000 đồng. Còn ông Lê Thanh N thì ông T không quen biết và chưa từng gặp mặt. Vào ngày 13/4/2017, bà T có nói với ông T là khách cần đáo hạn 400.000.000 đồng, ông T và bà T ngồi tại quán cà phê ở ngã ba đường Lê Duẩn - Lý Thái Tổ, Đà Nẵng, sau đó có ông Th và con trai ông Th đến vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Tại đây, ông Th xin vay tiền của bà T, nhưng bà T giới thiệu qua cho ông T nên ông Th vay của ông T 400.000.000 đồng với thời hạn 03 ngày, lãi suất 0.3. Ông Th đồng ý, con trai ông Th viết giấy vay tiền do ông T đứng tên người cho vay. Ông T đưa tiền cho bà T rồi bà T đưa số tiền nói trên cho ông Th, bà T chịu trách nhiệm với ông T về số tiền nêu trên. Khi đến hạn, ông T không thấy bà T liên hệ trả tiền. Mười ngày sau, bà T trả cho ông T 232.000.000 đồng còn thiếu của ông T 168.000.000 đồng, nên ông T làm đơn khởi kiện ông Th tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê.

- Bị đơn ông Cao Văn Th trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án:

Trước đây gia đình tôi có vay Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng số tiền 262.000.000 đồng. Do không có đủ khả năng trả gốc và lãi mỗi tháng nên gia đình tôi muốn làm hồ sơ vay ở một Ngân hàng khác để chỉ trả tiễn lãi hàng tháng.

Qua người quen giới thiệu, anh Lê Thanh N là nhân viên Ngân hàng Quốc Dân Đà Nẵng có khả năng, điều kiện giải quyết được vấn đề trên cho gia đình tôi, gia đình tôi cũng trình bày với anh N mong muốn được vay thêm vốn làm ăn chỉ trả lãi mỗi tháng. Sau khi nghe sự việc trên, Lê Thanh N đồng ý làm hồ sơ vay với hạn mức 400.000.000 đồng, nhưng với điều kiện là tôi phải mở một tài khoản có 100.000.000 đồng, ngân hàng thấy có tiền trong tài khoản mới duyệt cho vay.

Ngày 13/4/2017, anh Lê Thanh N giới thiệu tôi và con trai đến gặp bà T để vay số tiền 400.000.000 đồng. Khi gặp bà T, tôi, con trai tôi và N trình bày việc vay mượn tiền trên là để đáo hạn Ngân hàng. Sau khi nghe thì bà T đồng ý cho chúng tôi mượn số tiền 400.000.000 đồng trong vòng 10 ngày, dưới sự bảo lãnh của anh Lê Thanh N và tiền lãi của 10 ngày đó là 10.000.000 đồng. Bà T có yêu cầu chúng tôi viết giấy mượn nợ. Cùng ngày con gái bà T mang 400.000.000 đồng đến Ngân hàng Á Châu, anh N đã nhận số tiền này lo thủ tục lấy sổ nghiệp chủ ra và mở tài khoản cho vợ chồng tôi theo thỏa thuận như ban đầu. Anh N trả cho Ngân hàng Á Châu số tiền 262.000.000 đồng, còn lại 138.000.000 đồng anh N nói sẽ gửi vào sổ tiết kiệm.

Chiều ngày 25/4/2017, Ngân hàng Quốc Dân đã giải ngân cho tôi 400.000.000 đồng, tôi đưa cho N 272.000.000 đồng để trả lại cho bà T *(Trong đó 262.000.000 đồng tiền đã trả Ngân hàng Á Châu và 10.000.000 đồng tiền lãi vay của bà T).* Đồng thời N có trách nhiệm trả thêm 138.000.000 đồng đã lấy trước đó để đủ số tiền 400.000.000 đồng gửi lại bà T. Bà T cùng con gái đến nhà tôi để lấy lại số tiền 400.000.000 đồng thì sáng 26/4/2017 anh N chỉ bàn giao 232.000.000 đồng, lúc này tôi mới biết N đã lợi dụng vào sự tin tưởng của gia đình tôi mà hành động không đúng. Trong lúc có sự hiện diện của N, nên tôi mời Công an phường Tam thuận đến nhà để giải quyết sự việc, lúc này N đã nhận sai và thừa nhận với bà T là đang mượn tạm số tiền 168.000.000 đồng để giải ngân bộ hồ sơ khác. Sau một lúc thỏa thuận, bà T đồng ý nhận 232.000.000 đồng và không lấy số tiền lãi 10.000.000 đồng mà tôi đã đưa N. Số tiền còn lại là 168.000.000 đồng anh N xin bà T cho thêm 10 ngày sẽ trả đủ. Bà T đồng ý và yêu cầu anh N viết giấy mượn nợ số tiền 168.000.000 đồng. Song song với việc N viết giấy mượn nợ bà T 168.000.000 đồng, tôi cũng yêu cầu N viết cho tôi một tờ giấy xác nhận đã sử dụng 168.000.000 đồng trong số 400.000.000 đồng mà tôi đã mượn của bà T nhưng bà T bác bỏ, bảo không cần thiết, để bà tự đòi N số tiền 168.000.000 đồng cũng được. Toàn bộ việc giao dịch dân sự giữa tôi, bà T và N đã đi đến thống nhất và kết thúc.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Bá S và bà Cao Thị Lệ M trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án và tại phiên tòa:

Ngày 13 tháng 4 năm 2017 ông Th có ký giấy mượn tiền và mượn của bà T số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng),* mục đích là để trả tiền cho Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng và lấy giấy tờ đi vay tiền ở Ngân hàng khác. Sau khi vay tiền thì vợ chồng ông Th có trả được 232.000.000 đồng cho bà T, số tiền 168.000.000 đồng còn lại là anh Lê Thanh N phải có trách nhiệm trả cho bà T vì anh N giữ số tiền này. Anh N đã viết giấy nợ với bà T ngày 26/4/2017 tại nhà ông Th, việc này anh N, bà T và ông Th đã thống nhất. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Cẩm T trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án và tại phiên tòa:

Tôi thống nhất với phần trình bày của ông Nguyễn Văn T về việc ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Th, bà L phải trả số tiền 168.000.000 đồng.

Tôi không đồng ý với phần trình bày của đại diện bị đơn. Tôi chỉ làm trung gian dịch vụ môi giới có uy tín nên ông Lê Thanh N giới thiệu vợ chồng ông Th gặp tôi để liên hệ mượn tiền để đáo hạn Ngân hàng, sau đó tôi giới thiệu anh T cho vợ chồng ông Th, bà L và anh T cho vợ chồng ông Th, bà L mượn số tiền 400.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Sau đó vợ chồng ông Th đã trả được số tiền 232.000.000 đồng, hiện nay vợ chồng ông Th còn nợ anh T số tiền 168.000.000 đồng.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Cẩm T trình bày tại Công an quận Thanh Khê ngày 19/6/2018:

Tôi là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn T và có quan hệ trong công việc làm ăn với nhau. Tôi là người giới thiệu khách để ông T cho vay tiền, tôi được hưởng hoa hồng và chịu trách nhiệm với ông T về việc giới thiệu khách. Tôi quen biết ông Lê Thanh N là nhân viên Ngân hàng Quốc Dân ở đường Hùng Vương, TP Đà Nẵng. Năm 2017, ông N giới thiệu tôi để ông Cao Văn Th vay 400.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Vào tháng 4/2017(tôi không nhớ ngày) tại 461 Lê Duẩn, TP. Đà Nẵng, ông Th cùng con trai và N đến nói chuyện viết giấy mượn tiền, tại đây con ông Th viết giấy mượn 400.000.000 đồng, sau khi kiểm tra chứng minh và có giấy mượn tiền, tôi qua bàn cạnh bên gặp Tới để Tới giao tiền cho tôi. Ông N và cha con ông Th đến tại Ngân hàng Á Châu đường Đống Đa, TP. Đà Nẵng giao tiền. Tôi giao cho cha con ông Th số tiền 400.000.000 để đáo hạn, rút sổ đỏ ra và đến UBND quận Thanh Khê xóa thế chấp (con ông Th đi với con gái tôi). Đợi đến chiều ông N chuẩn bị hồ sơ và về ngân hàng Quốc Dân để làm thủ tục thế chấp sổ đỏ (đã được rút ra) vì tôi có việc không đợi giải ngân để lấy tiền nên hẹn sáng hôm sau sẽ lấy. Nhưng hôm sau tôi điện thoại ông N, ông Th không được, đến hẹn ngày trả tiền (ông Th viết giấy mượn tiền trong vòng 2-3 ngày sau khi mượn tiền sẽ trả lại) tôi đến nhà ông Th nói chuyện thì ông Th trả tôi 232.000.000 đồng còn số tiền 168.000.000 đồng N đang cầm. Tôi không đồng ý vì tôi đưa tiền ông Th 400.000.000 đồng. Ông Th điện thoại cho ông N đến và mời Công an đến, giữa đôi bên đôi co với nhau. Tôi không đồng ý về việc cho mượn 400.000.000 đồng nhưng khi đáo hạn ngân hàng xong trả cho tôi 232.000.000 và có trả thì trả tại ngân hàng chứ không thể đem tiền về nhà, tôi không biết ai giữ tiền và tiền còn lại đang ở đâu nên tôi yêu cầu N và ông Th cùng ký tên và ông N viết giấy và ký tên. Tờ giấy nợ (ông N viết) tôi đã thất lạc ở đâu (không nhớ). Tôi nghĩ ông N và ông Th lừa tôi nên về tôi nói với ông T và ông T kiện ông Th ra Tòa về số tiền còn lại chưa trả.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thanh N trình bày tại Công an quận Thanh Khê ngày 22/6/2018 thể hiện:

Ông Lê Thanh N nguyên trước đây là nhân viên của ngân hàng Quốc Dân tại đường Hùng Vương, thành phố Đà Nẵng. Vào năm 2016, ông N quen biết với bà Trần Thị Cẩm T là người thường cho khách vay mượn tiền để đáo hạn ngân hàng. Ông N và bà T có mối quan hệ làm việc với nhau trong lĩnh vực vay mượn tiền và đáo hạn ngân hàng.

Năm 2017, qua mối quan hệ xã hội, ông N biết ông Cao Văn Th có nhu cầu vay tiền nên đã giới thiệu bà T để ông Th vay tiền. Sau đó ông N đã dẫn cha con

ông Th đến tại đường Lê Duẩn, thành phố Đà nẵng để vay 400.000.000 đồng (con trai ông Th viết giấy vay), bà T đồng ý và hẹn đến Ngân hàng Á Châu để giao tiền. Khi bà T giao tiền 400.000.000 đồng, ông Th trả tiền cho Ngân hàng Á Châu 262.000.000 đồng, còn lại 138.000.000 đồng ông Th đồng ý đưa cho ông N sử dụng và ông N có trách nhiệm sẽ trả trả luôn tiền lãi trên số tiền 400.000.000 đồng mà ông Th đã vay của bà T khi làm thủ tục giải ngân. Đến ngày hôm sau, ông Th, bà T và ông N đã trao đổi, bàn bạc và thống nhất: Ông Th trả cho bà T 232.000.000 đồng; ông Lê Thanh N có trách nhiệm trả cho bà T 168.000.000 đồng, nhưng ông N chưa có tiền trả nên bà T đồng ý cho ông N viết giấy nợ bà T 168.000.000 đồng.

Còn ông Nguyễn Văn T là con của bà T, ông T thường hay đi làm với bà T nên ông N cũng biết ông T.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thông báo, gửi các quyết định cho Viện kiểm sát và các đương sự đúng thời hạn, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ông Cao Văn Th vay của bà Trần Thị Cẩm T số tiền 400.000.000 đồng. Ông Th đã trả cho bà T 232.000.000 đồng, còn lại 168.000.000 đồng ông Lê Thanh N giữ lại. Ông N nhận nợ khoản tiền 168.000.000 đồng của bà T và đã viết giấy cam kết trả khoản tiền này cho bà T. Việc này đã được bà T đồng ý.

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:*** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Cao Văn Th và bà Huỳnh Thị L trả số tiền còn nợ theo giấy mượn tiền đề ngày 13/4/2017. Bị đơn ông Cao Văn Th và bà Huỳnh Thị L có địa chỉ cư trú K272/7B Trần Cao Vân, tổ 24 phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác

định yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T nộp đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thanh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thanh N.

[2] ***Xét về lời khai của các đương sự thì thấy:***

- Đối với lời khai của ông Nguyễn Văn T: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, ông T khai rằng ông đã đưa cho ông Th mượn 400.000.000 đồng, vợ chồng ông Th đã trả cho ông T được 232.000.000 đồng, ông Th còn nợ lại 168.000.000 đồng, ông T đã nhiều lần đến nhà ông Th đòi nợ nhưng ông Th không chịu trả.

Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra ông T khai rằng ông T đưa tiền cho bà T 400.000.000 đồng, 10 ngày sau, bà T có trả cho ông T 232.000.000 đồng, còn lại 168.000.000 đồng bà T phải chịu trách nhiệm với ông T. Còn đối với ông Th thì ông T không biết ông Th ở đâu, làm gì. Ông T không tìm ông Th để đòi tiền.

Như vậy, lời khai của ông Nguyễn Văn T có sự mâu thuẫn.

- Đối với lời khai của bà Trần Thị Cẩm T cũng có sự mâu thuẫn:

Tại Tòa án, bà T trình bày là không có việc ông Lê Thanh N viết giấy nợ của bà 168.000.000 đồng. Nhưng tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, bà T khai nhận: Tại nhà ông Th, ông N có viết giấy nợ của bà 168.000.000 đồng, hiện nay giấy nợ đó thất lạc không tìm thấy.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cùng thừa nhận:

- Về mối quan hệ: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Cẩm T là mẹ con ruột thịt. Ông T và bà T cùng có mối quan hệ làm ăn với nhau trong lĩnh vực cho vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Ông Lê Thanh N nguyên là nhân viên của ngân hàng, là người hợp tác với bà T trong việc làm dịch vụ cho vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Ông Cao Văn Th là khách có nhu cầu vay tiền.

- Về nội dung liên quan đến số tiền nợ đang tranh chấp:

Các đương sự cùng thừa nhận: Vào ngày 13/4/2018, tại ngã ba Lê Duẩn - Lý Thái Tổ, Đà Nẵng, ông Nguyễn Văn T có đưa cho bà Trần Thị Cẩm T số tiền 400.000.000 đồng. Bà T đưa số tiền này cho ông Cao Văn Th vay trong thời hạn 10 ngày, con trai của ông Th viết vào giấy vay tiền, ông Th có ký vào giấy này. Ông Lê Thanh N ký, ghi họ tên với tư cách là người chịu trách nhiệm. Bà Huỳnh Thị L không có ký tên.

[4] Xét về chứng cứ của vụ án là Giấy vay tiền ngày 13/4/2017 thì thấy:

Giấy vay tiền nêu trên là giấy mẫu in sẵn có chừa các khoảng trống để điền thông tin vào. Trong giấy này có chữ ký của ông Th ở cột người vay, chữ ký của

ông N có ghi họ tên Lê Thanh N và ghi là người chịu trách nhiệm. Không có chữ ký của bà L (vợ ông Th), không có chữ ký của ông Nguyễn Văn T.

Như vậy, chứng cứ này là không đầy đủ và không chính xác. Vì thực tế là bà T đưa tiền cho ông Th vay, nhưng người chịu trách nhiệm trả tiền lại là ông N. Người mà ông T kiện đòi tiền là bà Huỳnh Thị L thì không có tên và không có chữ ký trong giấy vay tiền.

Từ những phân tích trên ([2], [3], [4]) HĐXX xét thấy:

- Ông Cao Văn Th vay của bà Trần Thị Cẩm T số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi vay, ông Th đã trả cho bà T được 232.000.000 đồng, còn lại 168.000.000 đồng ông Lê Thanh N giữ lại. Ông N nhận nợ khoản tiền 168.000.000 đồng của bà T và đã viết giấy cam kết trả khoản tiền này cho bà T. Việc này đã được bà T đồng ý. Như vậy, ông Th đã chuyển giao nghĩa vụ cho ông N và ông N phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nêu trên theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên đến nay bà T chưa có yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Thanh N. Mặt khác, theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 thì: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại…"*. Trong vụ án này, bà T là người giao số tiền 400.000.000 đồng cho ông Th vay, ông Th cũng đã trả cho bà T được 232.000.000 đồng, số tiền còn lại 168.000.000 đồng ông N nhận trách nhiệm trả cho bà T. Như vậy, ông Th không phải là người vay tiền của ông T.

Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T đối với ông Cao Văn Th và bà Huỳnh Thị L.

Đối với số tiền 168.000.000 đồng mà ông Lê Thanh N cam kết trả cho bà Trần Thị Cẩm T, nếu bà T có yêu cầu thì làm đơn khởi kiện trong một vụ án dân sự khác.

[5] ***Về án phí:*** Vì không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn T phải chịu là: 168.000.000 đồng x 5% = 8.400.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 26, 35, 39, 108 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 370; 463 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

Tuyên xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp vay tài sản" của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn là ông Cao Văn Th và bà Huỳnh Thị L.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 8.400.000đ (Tám triệu, bốn trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.200.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 007528, ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Văn T còn phải nộp tiếp 4.200.000 đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Dân